

Bản án số: 06/2024/KDTM-PT

Ngày 25 - 4 - 2024

V/v Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng
công trình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập.

Bà Châu Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bằng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2023/TLPT-KDTM ngày 05 tháng 9 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng công trình”

Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ (gọi tắt là Công ty Đ)

Người đại diện: Ông Cao Văn T, sinh năm 1971- Giám đốc Công ty

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau

Người đại diện theo ủy quyền: Trần Chi L, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã Hàng Vịnh, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 (gọi tắt là Công ty T1)

Người đại diện: Bà Cao Thị G, sinh năm 1981- Giám đốc công ty

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau

Người đại diện theo ủy quyền: Trần Chi L , sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ cư trú : Ấp B, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 (gọi tắt là Công ty T2) (vắng mặt).

Địa chỉ trụ sở chính: 87/117/44 N, phường A, quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ hiện nay: A36, đường D, khu dân cư M, xã X, huyện H, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Cao Văn L1, sinh năm 1948 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau

Người đại diện theo ủy quyền: Trần Chi L , sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ cư trú : Ấp B, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người kháng cáo: Công ty Đ và Công ty T1 là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/02/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty Đ trình bày:

Ngày 17/11/2020, Công ty Đ và Công ty T2 có ký hợp đồng kinh tế số 1711.1/2020/HĐNL/TL-TBD, về việc thi công xây dựng công trình hệ thống điện mặt trời. Loại hợp đồng trọn gói. Công ty Đ là chủ đầu tư, Công ty T2 là đơn vị cung cấp thiết bị và thi công với thỏa thuận. Công ty T2 cung cấp tấm Pin mặt trời,; Interver hòa lưới điện (110KW); dây dẫn và các phụ kiện khác. Giá trị hợp đồng 9.400.000.000đ (chín tỷ bốn trăm triệu đồng)

Thời gian thực hiện hợp đồng, kể từ ngày hai bên ký hợp đồng (ngày 17/11/2020) đến ngày 30/12/2020 nhưng đến ngày 25/12/2020 Công ty T2 phải thi công lắp đặt hệ thống điện mặt trời, hoàn thành, nghiệm thu và đóng điện đưa vào sử dụng.

Sau khi hai bên ký hợp đồng, Công ty T2 tạm ứng 30% giá trị hợp đồng, bằng 2.820.000.000đ (Hai tỷ tám trăm hai mươi triệu đồng).

Theo điều 13 của hợp đồng số 1711.1/2020/HĐNL/TL-TBD thể hiện: Trường hợp Công ty T2 thi công chậm tiến độ mà không được chủ đầu tư xác nhận yếu tố khách quan, nếu chậm 05 ngày thì Công ty T2 chịu phạt 5% giá trị hợp đồng, nếu tiếp tục chậm tiến độ, mỗi 02 ngày tiếp theo thì bị phạt thêm 10% tổng giá trị hợp đồng nhưng không quá 12% tổng giá trị hợp đồng. Tổng thời gian chậm tiến độ không được quá 10 ngày, nếu quá thời gian trên thì Công ty Đ có quyền chấm dứt hợp đồng mà không phải hoàn trả bất cứ một khoản nào cho Công ty T2. Nếu Công ty T2 không thực hiện đúng cam kết hợp đồng, đến ngày 31/12/2020 không hòa lưới điện được thì Công ty T2 phải bồi thường toàn bộ thiệt hại (bao

gồm giá mua điện trong 20 năm theo Quyết Định số 13/2020/QĐ-TTg về khuyến khích phát triển điện mặt trời) cho Công ty Đ và bị phạt 30% giá trị hợp đồng cho bên Công ty Đ.

Công Ty T2 vi phạm hợp đồng như sau:

Vi phạm chủng loại vật tư (tấm Pin mặt trời và I): Theo hợp đồng tấm Pin hiệu Risen, số lượng 2.271tấm; Inverter hiệu Huawei, số lượng 09 bộ nhưng Công ty T2 đã lắp đặt tấm Pin hiệu WorldEnergy, số lượng 667/2.271 tấm, công suất chỉ có 300,15kWp/996,8kWp theo hợp đồng (450W/tấm x 667 tấm = 300,15kWp; theo Biên bản nghiệm thu hệ thống điện mặt trời ngày 31/12/2020 của Đ2); Inverter hiệu Huawei chưa thể chứng minh được xuất xứ hàng hóa.

Vi phạm về thời gian lắp đặt: Đến ngày 30/12/2020 thì Công ty T2 mới đưa thiết bị, nhân công thực hiện lắp đặt đến ngày 18/01/2021 mới được số lượng tấm Pin và bộ hòa lưới điện nói trên.

Công ty Đ có yêu cầu nhiều lần đối với Công ty T2 nhưng phía Công ty T2 không đến. Ngày 19/01/2021, Công ty Đ gửi thông báo và mời Giám Đốc Công ty T2 trao đổi về việc vi phạm hợp đồng và chấm dứt hợp đồng, nhưng phía Công Ty T2 vẫn không đến.

Công ty Đ yêu cầu Tòa án giải quyết:

Chấm dứt một phần hợp đồng kinh tế số 1711.1/2020/HĐNL/NG-TBD ngày 17/11/2020 giữa Công ty Đ với Công ty T2 (chấm dứt phần hợp đồng đối với 1.604 tấm P và phụ kiện kèm theo chưa lắp đặt);

Buộc Công ty T2 trả lại cho Công ty Đ số tiền đã tạm ứng sau khi trừ thiết bị đã lắp đặt và đưa vào sử dụng với số tiền 908.095.990 đồng;

Buộc Công ty T2 bồi thường cho Công ty Đ do vi phạm hợp đồng bằng 08% giá trị hợp đồng với số tiền 752.000.000 đồng. Rút yêu cầu khởi kiện Công ty T2 bồi thường 22% giá trị hợp đồng;

Bồi thường thiệt hại 70% giá trị lắp đặt đường dây trung thế 3 pha và trạm 1000KVA (chỉ sử dụng có 30% công suất): chi phí lắp đặt số tiền 747.000.000 đồng x 70%= 522.900.000 đồng;

Bồi thường thiệt hại mái nhà để lắp đặt Pin mặt trời xây dựng trên phần đất thuê của ông Cao Văn L1 nhưng không có tấm pin để lắp còn bỏ trống giá bồi thường là 3.974.011.200 đồng

Rút yêu cầu Công ty T2 bồi thường thời hạn 20 năm tiền điện theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính phủ về khuyến khích phát triển điện mặt trời Việt Nam.

Theo đơn khởi kiện ngày 02/02/2021, nguyên đơn Công ty T1 trình bày:

Ngày 30/10/2020, Công ty T1 và Công ty T2 có ký hợp đồng kinh tế số 3010.1/2020/HĐNL/NG-TBD, về việc thi công xây dựng công trình hệ thống điện mặt trời. Loại hợp đồng trọn gói. Công ty T1 là chủ đầu tư, Công ty T2 là đơn vị cung cấp thiết bị và thi công. Công ty T2 cung cấp tấm Pin mặt trời; Inverter hòa

lưới điện (110KW); dây dẫn và các phụ kiện khác. Giá trị hợp đồng 9.400.000.000đ

Thời gian thực hiện thi công là 50 ngày, kể từ ngày hai bên ký hợp đồng (ngày 30/10/2020) nhưng Công ty T2 phải thi công lắp đặt hệ thống điện mặt trời, hoàn thành, nghiệm thu và đóng điện đưa vào sử dụng trước ngày 20/12/2020.

Sau khi hai bên ký hợp đồng, Công ty T2 tạm ứng 30% giá trị hợp đồng, bằng 2.820.000.000đ (hai tỷ tám trăm hai mươi triệu đồng).

Theo điều 13 của hợp đồng số 3010.1/2020/HĐNL/NG-TBD thể hiện: Trường hợp Công ty T2 thi công chậm tiến độ mà không được chủ đầu tư xác nhận yếu tố khách quan, nếu chậm 05 ngày thì Công ty T2 chịu phạt 5% giá trị hợp đồng, nếu tiếp tục chậm tiến độ, mỗi 02 ngày tiếp theo thì bị phạt thêm 10% tổng giá trị hợp đồng nhưng không quá 12% tổng giá trị hợp đồng. Tổng thời gian chậm tiến độ không được quá 10 ngày, nếu quá thời gian trên thì Công ty Đ có quyền chấm dứt hợp đồng mà không phải hoàn trả bất cứ một khoản nào cho Công ty T2. Nếu Công ty T2 không thực hiện đúng cam kết hợp đồng, đến ngày 31/12/2020 không hòa lưới điện được thì Công ty T2 phải bồi thường toàn bộ thiệt hại (bao gồm giá mua điện trong 20 năm theo Quyết Định số 13/2020/QĐ-TTg về khuyến khích phát triển điện mặt trời) cho Công ty T1 và bị phạt 30% giá trị hợp đồng cho bên Công ty T1.

Công Ty T2 vi phạm hợp đồng như sau:

Vi phạm chủng loại vật tư (tấm Pin mặt trời và I): Theo hợp đồng tấm Pin hiệu Canadian, số lượng 2.240 tấm; Inverter hiệu SunGrow, số lượng 09 bộ nhưng Công ty T2 đã lắp đặt tấm Pin hiệu WorldEnergy, số lượng 445/2.240 tấm, công suất chỉ có 200,25kWp/996,8kWp theo hợp đồng (450W/tấm x 445 tấm = 200,25kWp; theo Biên bản nghiệm thu hệ thống điện mặt trời ngày 31/12/2020 của Đ2); Inverter hiệu Huawei 09 bộ chưa thể chứng minh được xuất xứ hàng hóa.

Vi phạm về thời gian lắp đặt: Đến ngày 29/12/2020 thì Công ty T2 mới đưa thiết bị, nhân công thực hiện lắp đặt đến ngày 18/01/2021 mới được số lượng tấm Pin và bộ hòa lưới điện nói trên.

Do Công ty T2 vi phạm hợp đồng, nên Công ty T1 gửi 03 thư mời liên tục vào các ngày 04/01/2021, ngày 07/01/2021 và ngày 15/01/2021 đến Giám đốc Công ty T2 nhưng phía Công ty T2 không đến. Ngày 19/01/2021, Công ty T1 gửi thông báo và mời Giám Đốc Công ty T2 trao đổi về việc vi phạm hợp đồng và chấm dứt hợp đồng, nhưng phía Công Ty T2 vẫn không đến.

Do phía Công ty T2 vi phạm hợp đồng, gây thiệt hại về tài sản và lợi ích hợp pháp của Công ty T1 đặc biệt lớn. Công ty T1 yêu cầu Tòa án giải quyết:

Chấm dứt một phần hợp đồng kinh tế số 3010.1/2020/HĐNL/NG-TBD ngày 30/10/2020 giữa Công ty T1 với Công ty T2 (chấm dứt phần hợp đồng đối với 1.604 tấm P và phụ kiện kèm theo chưa lắp đặt);

Buộc Công ty T2 trả lại cho Công ty T1 số tiền đã tạm ứng sau khi trừ thiết bị đã lắp đặt và đưa vào sử dụng với số tiền 1.911.904.010 đồng;

Buộc Công ty T2 bồi thường cho Công ty T1 do vi phạm hợp đồng bằng 08% giá trị hợp đồng với số tiền 752.000.000 đồng. Rút yêu cầu Công ty T2 bồi thường 22% giá trị hợp đồng;

Bồi thường thiệt hại 80% giá trị lắp đặt đường dây trung thế 3 pha và trạm 1000KVA (chỉ sử dụng có 20% công suất): chi phí lắp đặt số tiền 1.264.000.000 đồng x 80%= 1.011.200.000 đồng;

Bồi thường thiệt hại mái nhà để lắp đặt Pin mặt trời xây dựng trên phần đất thuê của ông Cao Văn L1 nhưng không có tấm pin để lắp còn bỏ trống giá bồi thường là 5.959.918.400 đồng

Rút yêu cầu khởi kiện Công ty T2 bồi thường thời hạn 20 năm tiền điện theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính phủ về khuyến khích phát triển điện mặt trời Việt Nam.

Công ty T2 trình bày:

Theo công văn số 0103/2021/CVTA-TBD ngày 20/3/2021 Công ty T2 gia hạn thời gian để thu thập đầy đủ chứng cứ vụ việc của Công ty T1 đến ngày 30/7/2021.

Theo công văn số 2806.4/2021/CVTA-TBD ngày 28/6/2021 thể hiện do ảnh hưởng dịch Covid nên Công ty T2 gia hạn thời gian để thu thập đầy đủ chứng cứ vụ việc của Công ty Đ đến ngày 30/10/2021.

Ông Cao Văn L1 trình bày:

Ngày 18/11/2020 và ngày 26/11/2020 ông có cho Công ty T1, Công ty Đ thuê mái nhà do ông đầu tư để gắn tấm pin năng lượng mặt trời, thời hạn thuê là 20 năm (đối với Công ty T1 bắt đầu thời hạn thuê là ngày 19/11/2020; Công ty Đ thời hạn thuê bắt đầu từ ngày 27/11/2020), giá thuê của mỗi Công ty mỗi năm là 380.000.000 đồng. Ông có làm giấy nhận tiền của Công ty T1, Công ty Đ mỗi Công ty số tiền là 1.900.000.000 đồng. Ông không có yêu cầu gì với Công ty T1, Công ty Đ tại vụ án.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình quyết định:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 về việc chấm dứt một phần các hợp đồng kinh tế số 1711.1/2020/HĐNL/TL-TBD ngày 17/11/2020 và hợp đồng số 3010.1/2020/HĐNL/NG-TBD ngày 30/10/2020.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 trả tiền tạm ứng. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 số tiền tạm ứng là 381.476.078 đồng (ba trăm tám mươi một triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm bảy mươi tám đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 trả tiền tạm ứng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ mặt trời Tấn L2 về việc phạt vi phạm đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 với mức phạt 08% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 số tiền vi phạm hợp đồng là 556.918.023 đồng (năm trăm năm mươi sáu triệu chín trăm mười tám nghìn không trăm hai mươi ba đồng).

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ mặt trời Tấn Lợi số tiền vi phạm hợp đồng là 506.947.678 đồng (năm trăm lẻ sáu triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi tám đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại giá trị lắp đặt đường dây trung thế 3 pha và trạm 1000KVA.

5. Không xem xét yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 về việc bồi thường thiệt hại mái nhà để lắp đặt Pin mặt trời xây dựng trên phần đất thuê của ông Cao Văn L1 nhưng không có tấm pin để lắp còn bỏ trống.

6. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 về việc bồi thường thời hạn 20 năm tiền điện theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính phủ về khuyến khích phát triển điện mặt trời Việt Nam.

7. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 về việc phạt vi phạm hợp đồng 22%.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 06/10/2023, Công ty Đ và Công ty T1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngày 20/02/2024, đại diện theo ủy quyền của Công ty Đ và Công ty T1 thay đổi kháng cáo, rút lại một phần kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Chỉ yêu cầu Công ty T2 bồi thường thêm cho Công ty Đ tiền thuê nhà do không lắp P là 1.385.694.000đ và bồi thường thiệt hại cho Công ty T1 1.632.265.598đ, theo mục 5 phần quyết định của bản án sơ thẩm. Vì hai công ty đã trả tiền thuê nhà cho ông Cao Văn L1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo đối với phần bồi thường thiệt hại tiền đầu tư thuê nhà.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hủy một phần bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử lại phần tiền thuê mái nhà và đầu tư mái nhà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét kháng cáo của Công ty T1, Công ty Đ còn trong thời hạn luật định. Nội dung kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 20/02/2024, đại diện theo ủy quyền của Công ty Đ và Công ty T1 thay đổi kháng cáo xin rút lại 1 phần kháng cáo. Công ty Đ và Công ty T1 đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm. Chỉ kháng cáo phần yêu cầu Công ty T2 bồi thường thêm thiệt hại về việc tiền đầu tư thuê nhà của ông Cao Văn L1 vì hai Công ty đã trả tiền thuê nhà cho ông Cao Văn L1 5 năm. Cụ thể bồi thường cho Công ty Đ tiền thuê mái nhà do không lắp P là 1.385.694.000đ và bồi thường thiệt hại cho Công ty T1 1.632.265.598đ.

[2] Xét thấy việc thay đổi và rút một phần kháng cáo của các nguyên đơn là sự tự nguyện, không bị ràng buộc ý chí, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng cáo của các nguyên đơn.

[3] Đối với việc kháng cáo yêu cầu bồi thường thiệt hại tiền đầu tư thuê mái nhà chưa được lắp Pin mặt trời của ông Cao Văn L1. Tại đoạn 5 bản án sơ thẩm nhận định hệ thống mái nhà là do ông L1 đầu tư cho Công ty T1 và Công ty Đ thuê, ông L1 không có yêu cầu gì. Công ty T1 và Công ty Đ yêu cầu bồi thường là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Nhận thấy tại đơn khởi kiện các nguyên đơn có thể hiện rõ yêu cầu bồi thường tiền thuê mái nhà 5 năm là 1.9000.000.000đ của mỗi Công ty. Tuy nhiên, tại bút ký phiên tòa sơ thẩm (BL 438, 439) Công ty Đ và Công ty T1 xác định không có yêu cầu gì đối với tiền thuê mái nhà giữa Công ty Đ, Công ty T1 với ông Cao Văn L1. Nên tại phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên không xem xét đối với yêu cầu khởi kiện này là có căn cứ. Tuy có hợp đồng nhưng chưa thanh toán tiền thuê với nhau, nếu không xem xét là có ảnh hưởng quyền lợi của các bên. Như vậy phần này án sơ thẩm chưa xem xét, cho nên cấp phúc thẩm không thể xem xét. Thực tế tại thời điểm xét xử các bên chưa thanh toán và tại phiên tòa sơ thẩm Công ty Đ, Công ty T1 không yêu cầu, bởi vì giữa các bên có mối quan hệ là cha, con. Cho nên yêu cầu này được tách ra giải quyết thành vụ kiện khác, nếu sau này các bên không thỏa thuận được. Vì vậy không cần thiết phải hủy phần này như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo không đưa ra tài liệu chứng cứ nào mới, để làm căn cứ kháng cáo và cũng như các phân tích trên, cho nên không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn.

[5] Ý kiến phát biểu của đại viện Viện Kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử hủy một phần tiền bồi thường thiệt hại thuê mái nhà đối với bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử lại phần yêu cầu này. Xét thấy đề nghị này là chưa phù hợp với các phân tích trên.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định 3.000.000 đồng, chi phí định giá 55.200.000 đồng, do chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty Đ, Công ty T1 nên Công ty Đ, Công ty T1 tự chịu $\frac{1}{2}$ chi phí thẩm định và định giá, Công ty T2 chịu $\frac{1}{2}$ chi phí thẩm định và định giá. Do Công ty Đ, Công ty T1 đã tạm dự nộp nên mỗi công ty tự chịu số tiền 14.550.000 đồng; Công ty T2 phải hoàn lại cho Công ty Đ, Công ty T1 mỗi công ty số tiền 14.550.000 đồng.

[7] Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch: Công ty Đ, Công ty T1 phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận và được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm: Các nguyên đơn phải chịu mỗi Công ty 2.000.000 đồng đã dự nộp được chuyên thu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung rút kháng cáo của các nguyên đơn là Công ty T1 và Công ty Đ.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty T1 và Công ty Đ yêu cầu bồi thường thiệt hại, tiền đầu tư thuê mái nhà của ông Cao Văn L1.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình

Tuyên Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 về việc chấm dứt một phần các hợp đồng kinh tế số 1711.1/2020/HĐNL/TL-TBD ngày 17/11/2020 và hợp đồng số 3010.1/2020/HĐNL/NG-TBD ngày 30/10/2020.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 trả tiền tạm ứng. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 số tiền tạm ứng

là 381.476.078 đồng (ba trăm tám mươi một triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm bảy mươi tám đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 trả tiền tạm ứng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ mặt trời Tấn L2 về việc phạt vi phạm đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 với mức phạt 08% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 số tiền vi phạm hợp đồng là 556.918.023 đồng (năm trăm năm mươi sáu triệu chín trăm mười tám nghìn không trăm hai mươi ba đồng).

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ mặt trời Tấn Lợi số tiền vi phạm hợp đồng là 506.947.678 đồng (năm trăm lẻ sáu triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi tám đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại giá trị lắp đặt đường dây trung thế 3 pha và trạm 1000KVA.

5. Không xem xét yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 về việc bồi thường thiệt hại mái nhà để lắp đặt Pin mặt trời xây dựng trên phần đất thuê của ông Cao Văn L1 nhưng không có tấm pin để lắp còn bỏ trống.

6. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 về việc bồi thường thời hạn 20 năm tiền điện theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính phủ về khuyến khích phát triển điện mặt trời Việt Nam.

7. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 về việc phạt vi phạm hợp đồng 22%.

8. Về chi phí tố tụng: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 phải hoàn lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 số tiền 14.550.000 đồng (mười bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng); Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 phải hoàn lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ mặt trời Tấn Lợi số tiền 14.550.000 đồng (mười bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp Công ty T2 chậm thực hiện nghĩa vụ cho Công ty T1 và Công ty Đ thì phải chịu lãi theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

9. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch:

Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 phải chịu án phí với số tiền 87.034.198 đồng, ngày 05/3/2021 Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 nộp tạm ứng án phí số tiền

58.402.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011541 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đối trừ Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 phải nộp tiếp số tiền 28.632.198 đồng (hai mươi tám triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn một trăm chín mươi tám đồng).

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ phải chịu án phí với số tiền 60.781.449 đồng, ngày 05/3/2021 Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ mặt trời Tấn Lợi nộp tạm ứng án phí số tiền 58.144.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011542 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình. Được đối trừ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ mặt trời Tấn L2 phải nộp tiếp số tiền 2.637.449 đồng (hai triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm bốn mươi chín đồng).

Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 phải chịu án phí với số tiền 55.360.253 đồng (năm mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi nghìn hai trăm năm mươi ba đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty T1 phải chịu 2.000.000 đồng. Công ty Đ phải chịu 2.000.000 đồng. Ngày 13/10/2023, mỗi Công ty đã dự nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 2.000.000 đồng (lai số 0003920; 0003921) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Hùng Quang

